

Số: **256/2021/QĐST-HNGĐ**

T Hồ, ngày 30 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T HỒ, THÀNH PHỐ H N**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số .6/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải tHnh ngày 20 tháng 12 năm 2021.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 258/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vũ Thanh P, sinh năm 1982

- Anh Đỗ Trọng H, sinh năm 1977

Cùng HKTT: Số ., ngách ./1 phố T S, phường H quận Đ Đ, H N; Cùng trú tại: D3, tầng 8 Chung cư 713 L L L, phường P T, quận T Hồ, H N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Vũ Thanh P và anh Đỗ Trọng H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 25/10/2006 tại Ủy ban nhân dân phường T Q, quận Đ Đ, TP H N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Anh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh P được khoảng 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quan điểm, lối sống. Anh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị P, anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Chị P, anh H cùng xác nhận anh chị có 2 con chung là Đỗ An D, sinh ngày 13/10/2007 và Đỗ Bảo L, sinh ngày 31/12/2012. Anh, chị thỏa thuận: Sau khi ly hôn chị P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000đ/tháng (mỗi con 4.000.000đ/tháng), từ tháng 12/2021 đến khi con chung tHnh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Anh H, chị P cùng xác nhận anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về công nợ chung: Anh H, chị P cùng xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm anh H đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 00.658 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận T Hồ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thanh P và anh Đỗ Trọng H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh H, chị P có 2 con chung là Đỗ An D, sinh ngày 13/10/2007 và Đỗ Bảo L, sinh ngày 31/12/2012.

Giao chị Vũ Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Đỗ An D, và Đỗ Bảo L. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đỗ Trọng H cấp dưỡng nuôi con chung 8.000.000đ(tám triệu đồng)/tháng (mỗi con 4.000.000đ/tháng), từ tháng 12/2021 đến khi con chung tHnh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh H, chị P cùng xác nhận anh chị tự thoả thuận không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

- Về công nợ chung: Anh H, chị P cùng xác nhận anh chị không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Trọng H tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền anh H đã nộp tại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 00.658 ngày 13/12/2021 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận T Hồ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T Hồ;
- UBND phường T Q, quận Đ Đ, HN
(đăng ký kết hôn số 120/quyển I/2006);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số .6/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục thẩm.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Đương sự;

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;

- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;

- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố HN); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh HN).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

- (3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.
- (5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;
- (7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.
- (8) Ghi nhận định của Tòa án về những N dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].